

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2021/DS-PT
Ngày: 22-3-2021
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Vũ.

Các thẩm phán:

1. Bà Nguyễn Thanh Minh Châu;
2. Bà Võ Thị Hồng Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2021/TLPT-DS ngày 25 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2020/DS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2020, của Toà án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 45/2021/QĐ-PT ngày 23 tháng 02 năm 2021 và Thông báo thay đổi ngày xét xử số: 18TB-TA ngày 17 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hòa Th, sinh năm 1971; cư trú tại: Số 124/8, khu phố 2, phường LH, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Th: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1968; cư trú tại: Số 80, khu phố 2, phường LH, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 14-7-2020); có mặt.

Bị đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1955; nơi đăng ký HKTT: Số 50, đường PBC, khu phố 1, phường LH, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh; chỗ ở hiện nay: Số 264, hẻm 57, đường PH, khu phố LT, phường LTT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà T: Anh Lê Minh H, sinh năm 1987; cư trú tại: Số C38/13, khu phố 1, phường LH, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 16-11-2020); có mặt.

Người kháng cáo: Bà Trần Thị T là **bị đơn**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03-7-2020, nguyên đơn ông Nguyễn Hòa Th và người đại diện hợp pháp của ông Th, ông Nguyễn Thanh T trình bày:

Do chỗ quen biết nhau, nên bà Trần Thị Trí có vay của ông Th nhiều lần với số tiền tổng cộng 200.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 09-6-2018, bà T ký giấy vay của ông Th số tiền 50.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3%/ tháng, thời hạn trả nợ 01 năm.

- Ngày 10-6-2018, bà T ký giấy vay tiếp của ông Th số tiền 50.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3%/ tháng, thời hạn trả nợ 01 năm.

- Ngày 09-10-2018, bà T tiếp tục ký giấy vay của ông Th số tiền 100.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3%/ tháng, thời hạn trả nợ 01 năm.

Mục đích bà T vay tiền của ông Th để làm vốn kinh doanh mủ bảo hiểm; sau khi vay tiền cho đến nay, bà T có trả tiền lãi được 05 lần, mỗi lần 3.000.000 đồng, tổng cộng được 15.000.000 đồng; chưa trả được khoảng tiền vay nào.

Ông Th yêu cầu bà T trả cho ông Th số tiền vay còn nợ 200.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi; ông Th không yêu cầu ông Lê Văn Hòa là chồng của bà T cùng trả nợ.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn, anh Lê Minh H trình bày:

Bà Trần Thị Trí không quen biết ông Nguyễn Hòa Th, từ trước cho đến nay, bà T không vay tiền của ông Th. Bà T không thừa nhận chữ ký trong 03 hợp đồng cầm đồ ngày 09-6-2018; ngày 10-6-2018 và ngày 09-10-2018 là chữ ký của bà T, do đó bà T không đồng ý trả số tiền 200.000.000 đồng theo yêu cầu của ông Th.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2020/DS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2020, của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ Điều 463, 466, 469 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hòa Th đối với bà Trần Thị T.

Buộc bà Trần Thị T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Hòa Th số tiền 200.000.000 đồng. Ghi nhận ông Th không yêu cầu bà T trả tiền lãi.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 20-12-2020, bà Trần Thị Trí kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H là người đại diện hợp pháp của bà T cho rằng, bà T có vay số tiền 200.000.000 đồng của một người tên Sang, không rõ họ, năm sinh và địa chỉ cụ thể; bà T không vay tiền của ông Th, nên không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của ông Th, chỉ đồng ý trả tiền cho ông S.

Ông T là người đại diện hợp pháp của ông Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu

cầu một mình bà T trả cho ông Th số tiền vay 200.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bà T thừa nhận chữ ký, chữ viết họ và tên trong 03 giấy nợ do ông Th cung cấp để khởi kiện là chữ ký, chữ viết của bà, nhưng bà T và người đại diện hợp pháp của bà T cho rằng, số tiền 200.000.000 đồng vay của người tên Sang, nhưng không cung cấp được họ, năm sinh, địa chỉ của người này và cũng không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh, do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà T, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Hòa Th là nguyên đơn, bà Trần Thị T là bị đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có người đại diện tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt ông Th, bà T.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Hòa Th là chủ cửa hàng dịch vụ cầm đồ Quỳnh Nhơn theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4523, ngày 11-3-2004. Ngày 09-6-2018, bà T vay của ông Th số tiền 50.000.000 đồng, bằng một hợp đồng cầm đồ, không thỏa thuận lãi suất và cũng không có thời hạn trả nợ; ngày 10-6-2018, bà T vay tiếp của ông Th số tiền 50.000.000 đồng và đến ngày 09-10-2018, bà T tiếp tục vay của ông Th số tiền 100.000.000 đồng, đều bằng hợp đồng cầm đồ. Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ngày 15-3-2021 tại Tòa án bà T thừa nhận 03 giấy nợ tại các BL số 44, 45, 46 trong hồ sơ vụ án do ông Th cung cấp khởi kiện bà tại Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành số tiền tổng cộng 200.000.000 đồng do bà viết nội dung, ký tên và ghi họ và tên, nhưng không phải vay tiền của ông Th, mà vay của một người tên Sang, không rõ họ, năm sinh và chỉ biết sinh sống tại phường Long Thành Trung, thị xã Hòa Thành, còn địa chỉ cụ thể bà không rõ. Khi vay tiền của ông Sang thỏa thuận mức lãi suất 06%/ tháng, bà đóng tiền lãi được 05 tháng, số tiền tổng cộng 60.000.000 đồng (mỗi tháng tiền lãi 12.000.000 đồng) và trả tiền vay được khoảng 15.000.000 đồng, khi trả tiền ông Sang ký nhận với bà.

[3] Xét lời trình bày của bà T thấy rằng, tại các hợp đồng cầm đồ ngày 09-6-2018; ngày 10-6-2018 và ngày 09-10-2018 thể hiện: Bên chủ tiệm cầm đồ do ông Nguyễn Hòa Th làm đại diện; bên khách hàng cầm đồ là bà Trần Thị T. Mặc dù giấy nợ là hợp

đồng cầm đồ, nhưng không thể hiện đồ vật cầm cố, mà chỉ thể hiện số tiền bà T đã nhận; trong hợp đồng bà T là người trực tiếp viết họ, tên, địa chỉ người vay, số tiền vay và ký tên nhận tiền với ông Nguyễn Hòa Th; bà T trình bày vay tiền của người tên Sang, đã trả được tiền lãi, tiền vay và ông Sang có ký nhận vào sổ với bà, tại biên bản lấy lời khai ngày 15-3-2021 Tòa án yêu cầu bà T cung cấp chứng cứ về nhân thân của người tên Sang và sổ ký nhận tiền, nhưng bà T và người đại diện không cung cấp được chứng cứ để chứng minh. Do đó, xác định bà T vay tiền của ông Th, nên ông Th khởi kiện yêu cầu bà T trả cho ông số tiền vay chưa trả 200.000.000 đồng là có cơ sở, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà T.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Th khai đã nhận tiền lãi do bà T trả nhiều lần được 15.000.000 đồng. Tiền lãi ông Th đã nhận thấp hơn mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Ghi nhận ông Th không yêu cầu bà T tiếp tục trả tiền lãi và không yêu cầu chồng của bà T là ông Lê Văn H cùng trả nợ với bà T.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Bà T là người cao tuổi, căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, bà T được miễn án phí sơ, phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự; Điều 144 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị T; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2020/DS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2020, của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hòa Th đối với bà Trần Thị T về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Trần Thị T trả cho ông Nguyễn Hòa Th số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Ghi nhận ông Th không yêu cầu bà T trả tiền lãi.

Kể từ ngày ông Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng bà T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm:

3.1. Bà Trần Thị T được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm.

3.2. Hoàn trả cho ông Nguyễn Hòa Th 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0008926 ngày 03-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND TX Hòa Thành;
- CCTHADS TX Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Vũ

